

Bản án số: 121/2019/DS-ST

Ngày 25 - 9 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 258/2019/TLST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đoàn T V, sinh năm 1992; cùng cư trú tại: Số 20 ấp BĐ, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt – Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019).

- *Bị đơn:* Ông Tiêu Chí C, sinh năm 1975

Bà Nguyễn Thị T

Cùng cư trú tại: Ấp CV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M trình bày:**

Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M và ông Tiêu Chí C, bà Nguyễn Thị T có giao dịch mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú của công ty LDHH thức ăn thủy sản VH và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông C để ông C và bà T nuôi tôm. Việc giao dịch mua bán có lập hợp đồng nhưng do thời gian đã lâu nên bị thất lạc hợp đồng. Khi cuối vụ nuôi, ông C và bà T phải thanh toán dứt điểm công nợ cho doanh nghiệp Tân Quang M. Trong quá trình giao dịch, ông C không trả tiền theo đúng thỏa thuận. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 14/5/2014 ông C và bà T còn nợ doanh nghiệp Tân Quang M số tiền là 288.603.000 đồng. Doanh nghiệp có yêu cầu ông C và bà T thanh toán khoản nợ

trên nhưng ông bà không thanh toán. Nay Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M yêu cầu ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M số tiền là 288.603.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/5/2014 đến ngày 14/5/2019 là: $288.603.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 60 = 129.871.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền doanh nghiệp yêu cầu ông C và bà T phải trả là 418.474.000 đồng. Tại phiên tòa chị Đoàn Thúy V trình bày: Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu ông C và bà T phải trả cho doanh nghiệp số tiền là 288.603.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Tiêu Chí C trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M ông xác định có hợp đồng mua bán thức ăn với doanh nghiệp vào cuối năm 2013, hợp đồng thỏa thuận bằng lời nói, doanh nghiệp giao hàng qua đồ chở khách, cuối vụ thu hoạch doanh nghiệp xuống tại nhà ông để thanh toán tiền. Ông C xác định theo bản đối chiếu công nợ ngày 14/5/2014 thì ông còn nợ doanh nghiệp tổng số tiền là 288.603.000 đồng nhưng do doanh nghiệp không bán thức ăn cho ông nên ông không còn nuôi tôm công nghiệp và hiện tại đi làm thuê không có khả năng trả nợ. Ông C yêu cầu được trả nợ dần, khi nào làm có tiền thì trả nợ, không có khả năng trả hàng tháng. Đối với lãi suất thì khi hợp đồng ông với doanh nghiệp không có thỏa thuận chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất nên nay ông không đồng ý trả lãi.

Đối với bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C và bà T đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông C và bà T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C và bà T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M khởi kiện ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông C và bà T trả tiền mua thuốc và thức ăn thủy sản còn nợ theo hợp đồng mua bán giữa hai bên. Do đó xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Thấy rằng quan hệ mua bán thuốc và thức ăn thủy sản giữa Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) do ông Trần Văn L là người đại diện và ông Tiêu Chí C, bà Nguyễn Thị T là thực tế có xảy ra, được thể hiện tại đối chiếu công nợ ngày 01/4/2014 và ngày 14/5/2014 của doanh nghiệp. Hội đồng xét xử xét thấy tại các đối chiếu công nợ nêu trên của doanh nghiệp nộp cho Tòa án thể hiện vào ngày 01/04/2014 bà T có ký tên xác nhận còn nợ doanh nghiệp số tiền là 220.311.000 đồng, ngày 14/5/2014 ông C có ký tên xác nhận còn nợ doanh nghiệp số tiền là 288.603.000 đồng và ông C cũng thừa nhận còn nợ doanh nghiệp số tiền trên, đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả tiền của

hợp đồng mua bán tài sản: “*Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận...*”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm giao dịch hợp đồng mua bán tài sản giữa doanh nghiệp với ông C và bà T do ông C, bà T thực hiện nhằm mục đích để sử dụng sinh hoạt kinh tế chung cho vợ chồng nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T hợp lệ nhưng bà T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, buộc ông C và bà T cùng có nghĩa vụ phải trả tổng các khoản nợ trên cho doanh nghiệp là phù hợp.

Như nhận định trên, buộc ông C và bà T phải trả cho Doanh nghiệp số tiền là 288.603.000 đồng.

Đối với lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông C và bà T phải trả lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của doanh nghiệp là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của doanh nghiệp về việc yêu cầu ông C và bà T phải trả số tiền lãi là 129.871.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu Tòa án đã đình chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M. Buộc ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M tổng số tiền là 288.603.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M về việc yêu cầu ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền lãi là 129.871.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng). Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân Tân Quang M 10.369.000 (mười triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009550 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Tiêu Chí C và bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 14.430.150 đồng (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung